TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST
Ngày: 14-12-2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đình Thuận.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Hiển;
2. Ông Vũ Văn Công.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Đình Anh Vũ là thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện ĐD.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên toà:* bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Trần Thị Lệ C, sinh năm: 1971; địa chỉ: 04 thôn HD, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Văn H - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2016) – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Trần Thị P – luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thị P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: đường 2 tháng 4, khu phố NĐ, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1960; Địa chỉ: thôn YKH, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thanh T: ông Lê Xuân T - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 3 năm 2016) – có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1/ Ông Bùi Quang H1, sinh năm: 1954; địa chỉ: thôn SM, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

3.2/ Bà Trần Thị H2, sinh năm: 1949; địa chỉ: thôn HD, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

3.3/ Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn HD, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

3.4/ Bà Nguyễn Thị Lan H3, sinh năm: 1963; địa chỉ: thôn Quỳnh Châu Đông, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

3.5/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1964; địa chỉ: thôn Quỳnh Châu Đông, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Võ Văn H (ông H) trình bày:

Ngày 09/7/2015, bà C ký hợp đồng mua bán Hành Tây với bà T. Theo hợp đồng, bà T phải trồng Hành Tây trên diện tích 20.000m^2 với sản lượng bình quân 07 tấn Hành Tây/1000m^2 đất. Thời hạn trồng từ đầu tháng 10/2015 đến hết tháng 10/2015. Thời hạn thu hoạch từ ngày 01/02/2016 đến hết ngày 20/3/2016. Bà C có nghĩa vụ thu mua Hành Tây do bà T trồng từ đầu vụ đến cuối vụ là 4.000 đồng/01kg. Bà C đã tạm ứng 4.000.000 đồng/1000m^2 cho bà T trồng Hành Tây trên diện tích 20.000m^2 với số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên cam kết bà C không được từ chối mua Hành Tây dù giá thị trường lên hay xuống. Bà T phải trồng đủ diện tích đã ký hợp đồng và cung ứng đủ sản phẩm Hành Tây đã trồng cho bà C. Bà T không được bán Hành Tây cho bất kỳ ai khác. Bên nào vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường 20.000.000 đồng/1000m^2.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ cây giống từ vườn ươm và trồng đủ trên diện tích đất đã ký theo hợp đồng.

Đến khi thu hoạch, thấy giá Hành Tây ngoài thị trường 6.000đồng/01kg. Bà T chỉ thu hoạch và giao cho bà C 19.040kg tương đương với số tiền ứng trước là 80.000.000 đồng. Bà T đề nghị bà C nâng giá thu mua mới tiếp tục giao Hành Tây. Ngày 27/02/2016 bà C đề nghị chính quyền xã KĐ can thiệp cho tạm ngừng thu hoạch chờ xử lý. Tuy nhiên, bà T vẫn lén lút thu hoạch và tẩu tán Hành Tây đi nơi nào không rõ. Ngày 01/3/2016, bà T gọi điện thoại cho chồng bà C vào thu hoạch Hành Tây nhưng vào vườn không thấy ai giao hàng, chỉ có vài củ Hành Tây còn sót lại. Ngày 04/3/2016 UBND xã KĐ ghi nhận hiện trường 127 luống Hành Tây được nhổ khỏi đất và có hòa giải giữa hai bên nhưng bà T không chấp nhận bồi thường.

Do bà T đã vi phạm tất cả những nội dung cơ bản đã ký theo hợp đồng mua bán Hành Tây ngày 09/7/2015 với nguyên đơn như: đòi tăng giá, không giao đủ số Hành Tây theo cam kết, bán Hành Tây cho người khác, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 400.000.000 đồng quy định tại điều V của hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015.

Ngoài ra, khi ký hợp đồng với bị đơn, nguyên đơn đã đưa vào hợp đồng có nội dung: "Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2017 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM VH" – gọi tắt là công ty VH. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ ghi nội dung này vô cho quan trọng, tăng thêm phần thuyết phục để bà T yên tâm ký hợp đồng và làm ăn với nguyên đơn. Thực chất, hợp đồng mua bán Hành Tây ngày 09/7/2015 chỉ là hợp đồng ký kết giữa bà C và bà T, không liên quan gì đến công ty VH.

Ông Lê Xuân T đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thanh T cho biết:

Bị đơn không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn với các lý do sau:

Khi bà C đến gặp bà T đề nghị ký hợp đồng mua bán Hành Tây có nói với bà T là được công ty VH ủy quyền tìm người có đất trồng Hành Tây để Công ty thu mua theo thỏa thuận: Công ty đầu từ 4.000.000 đồng/1000m^2 và cam kết thua mua

hết số lượng Hành Tây mà người trồng Hành Tây thu hoạch được trong tương lai với giá 4.000 đồng/01kg tính trong phạm vi số tiền Công ty đã đầu tư. Ngoài phạm vi đó Công ty sẽ thu mua Hành Tây theo giá thị trường mà không theo giá 4000đồng/01kg nữa.

Khi thu hoạch Hành Tây, bà T đã bán Hành Tây cho Công ty thông qua bà C là 19.040kg. Sau khi giao số Hành Tây này, bà C và bà T đã thỏa thuận xem như tương đương với số tiền Công ty đã bỏ ra đầu tư 80.000.000 đồng. Từ sau thời điểm này, nếu bà T thu hoạch Hành Tây thì Công ty phải mua theo giá thị trường. Thống nhất xong, giữa bà C và bà T đã ký một bản hợp đồng có ký xác nhận từng trang và bà C đã giữ bản hợp đồng này.

Về nội dung của hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015, bị đơn không công nhận trang 01 và trang 02 của hợp đồng vì nó không giống với sự thỏa thuận giữa bà T và bà C như đã trình bày, không có chữ ký xác nhận của cả hai bên trong khi chỉ có một bản hợp đồng duy nhất.

Về việc thu mua Hành Tây, sau khi bà C đại diện cho Công ty thu mua 19.040kg đợt đầu thì không thu mua nữa. Bà T đã nhổ và đóng sẵn vào 146 bao, mỗi bao 35kg để sẵn. Bà T đã báo Công an xã KĐ nhờ can thiệp, chờ 10 ngày không thấy bà C đến thu mua nên toàn bộ số Hành Tây này đã hư hỏng nên Công ty là người có lỗi.

Bà C không có quyền yêu cầu bà T bồi thường, vì theo hợp đồng, bà là người đại diện cho công ty VH để ký hợp đồng và hưởng hoa hồng 200đồng/01kg Hành Tây thu mua được. Do đó, bà C không có thiệt hại gì cả nên không có quyền yêu cầu bồi thường. Nếu bà C có quyền khởi kiện bà T thì ông đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán hành Tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 giữa bà Trần Thị Lệ C và bà Nguyễn Thanh T vô hiệu vì bà C đã đưa vào hợp đồng nội dung: "Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2017 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM VH" nhưng Công ty VH khẳng định Công ty không ủy quyền cho bà C ký hợp đồng với bà T, chứng tỏ bà C có sự gian dối làm cho bà T tin tưởng mà đã ký vào hợp đồng này.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng Trần Thị H2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Lan H3, bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trần Thị H2 đều thừa nhận các ông bà trực tiếp ký hợp đồng với bà C với giá hành Tây thỏa thuận theo giá cố định là 4.000đồng/kg như nguyên đơn trình bày. Bà C cho rằng bà ký hợp đồng mua bán hành Tây với những người làm chứng này tương tự như ký hợp đồng với bà T. Bà T có đọc và ký hợp đồng này trước mặt bà nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật, tuy nhiên chưa thực hiện đúng về thời hạn hoãn phiên tòa. Đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn bồi thường 400.000.000 đồng. Tuyên bố hợp đồng mua bán hành Tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 vô hiệu và buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến Hành hòa giải nhưng không thành, Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Trần Thị Lê C với bà Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐD.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thấy rằng: bà C cho rằng bà nhân danh bà ký hợp đồng số 10/HĐKT với bà T. Để bà T tin tưởng, bà đã đưa vào hợp đồng với nội dung *"Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2017 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM VH"*. Tại phiên Tòa, ông H và bà P khẳng định: việc đưa nội dung trên vào hợp đồng không có giá trị gì cả mà nhằm tăng thêm tính thuyết phục để bà T và những người trồng Hành Tây khác tin tưởng là có đầu ra cho sản phẩm. Phía Công ty VH cũng khẳng định không có ủy quyền cho bà C. Theo ý kiến của ông T thì khi bà T và bà C ký hợp đồng với nhau, bà C nói rằng bà C là người đại diện cho công ty VH. Do tin tưởng như vậy nên bà T đã ký hợp đồng số 10/HĐKT với bà C. Do vậy, bà C không có quyền yêu cầu bà T bồi thường vì bà C không có thiệt hại mà Công ty VH mới là người bị thiệt hại. Tại bản tự khai ngày 21/02/2017, ông Nguyễn Đức Thắng – đại diện theo pháp luật của Công ty VH cho biết: Công ty không có lập giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02/7/2015 (BL41) cho bà C. Bà C phô tô chữa ký và con dấu của Công ty để làm tin cho những người trồng Hành Tây. Tất cả các hợp đồng mua bán hành Tây được ký giữa bà C và những người trồng Hành Tây không liên quan đến Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng bà C nhân danh chính bà ký hợp đồng mua bán hành Tây với bà T nên nếu bà C cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, nên lời trình bày của ông Lê Xuân T cho rằng Công ty VH bị thiệt hại mới có quyền khởi kiện còn bà C không có quyền khởi kiện là không có căn cứ.

[3] Xét hợp đồng mua bán Hành Tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 thấy rằng:

Về hình thức của hợp đồng: bị đơn cho rằng khi ký hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 thì cả bà C và bà T đều ký xác nhận từng trang của hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp những bản hợp đồng khác đã ký với những người làm chứng trong vụ án này và cho rằng những hợp đồng này nguyên đơn ký với họ tương tự như ký hợp đồng với bà T và họ cũng đã thực hiện đúng hợp đồng với nguyên đơn. Xem xét các bản hợp đồng này thấy rằng những người làm chứng đã ký hợp đồng với bà C đều không có ký vào tờ số 01 của hợp đồng tương tự như Hợp đồng được ký giữa bà T và bà C. Cho đến nay, bị đơn cũng không có căn cứ chứng minh có ký từng trang của hợp đồng này. Do đó, lời trình bày này của bị đơn không thể chấp nhận được. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng thấy rằng trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng những người làm chứng đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng họ đã ký, nhưng cần phải hiểu rằng các hợp đồng này không phát sinh tranh chấp. Cho dù việc giao kết và thực hiện hợp đồng giữa bà C

và những người khác là đúng thì cũng không có nghĩa là đúng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng giữa bà C với bà T.

Về nội dung của hợp đồng: Theo quy định tại điều I của hợp đồng mua bán Hành Tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: nội dung hợp đồng có hiệu lực trên cơ sở có sự công chứng hoặc xác nhận của cơ quan sở tại hoặc nhân chứng nhằm thực hiện sự hợp tác được nghiêm túc, lâu bền, hai bên cùng có lợi. Hợp đồng này không có sự công chứng hoặc xác nhận của cơ quan sở tại hoặc nhân chứng. Theo ý kiến của ông H Thì lỗi này thuộc về bà C; Bà C cũng cho rằng khi ký hợp đồng số 10/HĐKT với bà T, để cho bà T tin tưởng, bà đã đưa vào hợp đồng nội dung *"Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2017 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM VH"*. Tại phiên tòa, ông H và bà P cũng khẳng định việc đưa nội dung trên vào hợp đồng không có giá trị gì cả, chỉ nhằm tăng thêm tính thuyết phục cho bà T và các nhà vườn khác tin tưởng có đầu ra cho sản phẩm. Như vậy, Hợp đồng số 10/HĐKT bà C ký với bà T đã vi phạm nguyên tắc thiện chí trung thực quy định tại Điều 6 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng số 10/HĐKT do bà C cung cấp cho Tòa án vô hiệu theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 điều 122, Điều 127, 132 Bộ luật dân sự 2005 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng ngay từ thời điểm xác lập. Do hợp đồng vô hiệu nên bà C không có quyền yêu cầu bà T bồi thường số tiền 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà C.

[5] Về việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: theo quy định tại điều 137 của Bộ luật dân sự 2005 thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập; các bên khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng, khi thực hiện hợp đồng, bà C đã giao cho bà T 80.000.000 đồng tạm ứng tiền đầu tư trồng 20.000m^2 Hành Tây. Bị đơn cũng thừa nhận có nhận từ nguyên đơn 80.000.000 đồng. Sau khi bà T thu hoạch Hành Tây đã giao 19.040kg Hành Tây cho bà C. Với giá Hành Tây 4000đ/kg thì 19.040kg có giá trị là 76.160.000 đồng. Như vậy, đối chiếu với số tiền bà C đã giao cho bà T 80.000.000 đồng thì bà T còn phải thanh Toán cho bà C số tiền 3.840.000 đồng.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 122, 127, 132, 137, 410, 428 Bộ luật dân sự năm 2005, Các điều 131, 357, 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 220, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 18, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố hợp đồng mua bán Hành Tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 giữa bà Trần Thị Lệ C và bà Nguyễn Thanh T vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường số tiền 400.000.000 đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thanh T phải thanh toán cho bà Trần Thị Lệ C số tiền 3.840.000 đồng để giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Lệ C phải chịu 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 10.100.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000947 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện ĐD. Bà C còn phải nộp 9.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 3.840.000 đồng phải thanh toán cho bà C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện ĐD;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;*
- *Chi cục THADS huyện ĐD;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đình Thuận